

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Cơ sở văn hoá Việt Nam			
Mã học phần:	71CULT20222		Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71CULT20222_02 và 242_71CULT20222_21			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:		60	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có		☒ Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Áp dụng kiến thức về các lý thuyết, đặc trưng, chức năng và	Bài thi	20%	Phần trắc I	2	PI1.1

	loại hình văn hoá vào việc nhận diện và phân tích các giá trị văn hoá truyền thống VN trong lĩnh vực kinh doanh một cách hiệu quả.	cuối kỳ		và phần II		
CLO2	Vận dụng các giá trị văn hoá Việt Nam đương đại vào hoạt động quản trị tổ chức.	Bài thi cuối kỳ	20%	Phần II	2	PI1.1
CLO3	Thực hiện giao tiếp hiệu quả trên cơ sở vận dụng kiến thức về văn hoá truyền thống Việt Nam.	Bài thi cuối kỳ	40%	Phần II	4	PI6.1
CLO4	Phối hợp linh hoạt các kỹ năng tư duy phân tích, tư duy phản biện vào kiến giải các vấn đề văn hóa xã hội, mối quan hệ giữa văn hóa cộng đồng với hành vi, tâm lý cá nhân trong tiêu dùng và lao động.	Bài thi cuối kỳ	10%	Phần I và Phần II	1	PI6.1
CLO5	Thể hiện ý thức trân trọng, giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam và ý thức dựng xây, lan toả giá trị văn hoá tốt đẹp trong cộng đồng.	Bài thi cuối kỳ	10%	Phần II	1	PI10.2

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (16 câu hỏi, mỗi câu 0.25 điểm)

Câu 1: Hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam là:

- A. Tính cộng đồng và tính tự trị
- B. Tính cộng đồng và tính dân chủ
- C. Tính tự trị và tính đoàn kết
- D. Tính dân chủ và tính bình đẳng

Đáp án A

Câu 2: Biểu tượng âm dương là:

- A. Hình vuông – hình tròn
- B. Công cha nghĩa mẹ
- C. Con Rồng cháu Tiên
- D. Ông Tơ – Bà Nguyệt

Đáp án: A

Câu 3: Thành ngữ “*Trâu chết để da, người ta chết để tiếng*” thể hiện đặc điểm nào trong văn hoá giao tiếp của người Việt?

- A. Trọng danh dự**
- B. Trọng tình cảm
- C. Ưa sự tế nhị
- D. Ưa sự tìm hiểu, đánh giá

ANSWER: A

Câu 4: Tranh Đông Hồ là sản phẩm nghệ thuật đặc sắc của vùng văn hoá nào?

- A. Bắc Bộ**
- B. Nam Bộ
- C. Việt Bắc
- D. Tây Bắc

ANSWER: A

Câu 5: Vùng nông nghiệp Đông Nam Á được nhiều học giả phương Tây gọi là:

- A. Xứ sở mẫu hệ**
- B. Xứ sở phụ hệ
- C. Xứ sở lạc hậu
- D. Xứ sở huyền bí

ANSWER: A

Câu 6: Tư tưởng hệ có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất vào thời nhà Nguyễn (Thế kỷ XIX) là:

- A. Nho giáo
- B. Phật giáo
- C. Đạo giáo
- D. Thiên chúa giáo

Đáp án A

Câu 7: Tín ngưỡng phồn thực thể hiện ước vọng:

- A. Sinh sôi nảy nở
- B. Sống hài hòa với tự nhiên
- C. Được thần linh che chở
- D. Chiến thắng tự nhiên

ANSWER: A

Câu 8: Công chiêng là đặc trưng văn hoá vùng nào của Việt Nam?

- a) Tây Nguyên
- b) Tây Bắc
- c) Nam Bộ
- d) Bắc Bộ

ANSWER: A

Câu 9: Đồi dưa trong mâm cơm của người Việt là biểu hiện của:

- A. Tính tổng hợp và linh hoạt
- B. Tính chuẩn xác
- C. Tính tự trị
- D. Óc phân tích

Đáp án A

Câu 10: Đặc điểm nào sau đây KHÔNG phải là đặc trưng của loại hình văn hoá gốc nông nghiệp:

- A. Con người luôn có tham vọng chinh phục tự nhiên
- B. Công người ưa sống theo nguyên tắc trọng tình
- C. Lối sống linh hoạt, luôn ứng biến cho thích hợp với hoàn cảnh
- D. Con người có ý thức tôn trọng và ước vọng sống hoà hợp với tự nhiên.

Đáp án A

Câu 11: Biểu tượng của tính cộng đồng trong mâm cơm người Việt là:

- A. Nồi cơm và chén nước mắm
- B. Cái chén
- C. Đôi đũa
- D. Vị trí chỗ ngồi

Đáp án A

Câu 12: Đặc trưng tính lịch sử của văn hóa có chức năng gì?

- A. Giáo dục
- B. Điều chỉnh giá trị
- C. Ổn định xã hội
- D. Giao tiếp

ANSWER: A

Câu 13: Đặc trưng nào sau đây là đặc trưng của văn hóa gốc nông nghiệp trong văn hoá nhận thức?

- A. Tư duy kết hợp, chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm
- B. Tư duy phân tích, khách quan, lý tính và thực nghiệm
- C. Dung hợp trong tiếp nhận, hiếu hoà trong đối phó
- D. Độc đoán trong tiếp nhận, mềm dẻo, hiếu thắng trong đối phó

ANSWER: A

Câu 14: Đặc trưng của văn hoá Nam Bộ là:

- A. Tính mở, năng động
- B. Dương tính, hướng nội
- C. Khép kín
- D. Mạnh mẽ, hiếu chiến

Đáp án A

Câu 15: Đặc trưng nào của văn hoá là cơ sở để con người tổ chức đời sống xã hội và cá nhân?

- A. Tính hệ thống
- B. Tính giá trị
- C. Tính nhân sinh
- D. Tính lịch sử

Đáp án A

Câu 16: Mặt trái của lối ứng xử linh hoạt của người Việt là gì?

- a) Thói tùy tiện
- b) Thói đồ kỵ, cào bằng
- c) Thói dựa dẫm, ỉ lại.
- d) Thói bè phái

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu, mỗi câu 3 điểm)

Câu 1: Triết lý Âm Dương có ảnh hưởng như thế nào đến *triết lý sống* của người Việt? Anh chị có thể vận dụng triết lý âm dương vào lối sống của mình như thế nào? (3 điểm)

Câu 2: Phân tích biểu hiện *lối ứng xử tế nhị* của người Việt trong các lĩnh vực văn hoá (giao tiếp, ẩm thực, trang phục). Anh/Chị có thể vận dụng lối ứng xử này trong tổ chức và quản lý doanh nghiệp như thế nào? (3 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
Câu 1		6.0	
	Trình bày nội dung của triết lý âm dương: - quy luật thành tố: trong âm có dương, trong dương có âm - quy luật quan hệ: âm cực sinh dương, dương cực sinh âm	0.5	
	Ảnh hưởng của triết lý âm dương đến triết lý sống của người Việt Triết lý sống quân bình Khả năng thích nghi cao Tinh thần lạc quan	1.5	
	Ứng dụng vào đời sống cá nhân	1	
Câu 2	Cơ sở của lối ứng xử tế nhị của người Việt: xuất phát từ lối sống định cư, trọng cộng đồng, trọng mối quan hệ của người Việt hình thành từ hoạt động tổ chức sản xuất nông nghiệp xa xưa.	0.5	
	Các biểu hiện ứng xử tế nhị của người Việt: - Trong văn hoá giao tiếp: không nói trực tiếp vào vấn đề nhạy cảm khiến đối tượng giao tiếp khó xử, dùng ngữ điệu nhẹ nhàng, ngôn từ lịch sự; giữ tư thế giao tiếp nghiêm chỉnh, kính cẩn khi giao tiếp,... <i>(1 điểm)</i>	2	

	- Trong văn hoá trang phục: sử dụng trang phục kín đáo, tao nhã, duyên dáng, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. (0,5 điểm) - Trong văn hoá ẩm thực: trọng lời chào mời, ứng xử mực thước trong bữa ăn,... (0,5 điểm)		
	Anh/Chị vận dụng lối ứng xử này trong tổ chức và quản lý doanh nghiệp như thế nào? - Với vai trò quản lý, xây dựng bộ qui tắc giao tiếp, trang phục và ẩm thực, phát huy ưu điểm lối ứng xử truyền thống Việt. (0,25 điểm) Với vai trò cá nhân, thực hiện lối ứng xử tế nhị trong giao tiếp với đồng nghiệp, khách hàng; lựa chọn trang phục kín đáo, duyên dáng phù hợp với môi trường làm việc; ứng xử mực thước trong các bữa tiệc của đơn vị,... (0,25 điểm)	0.5	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



TS LÊ THỊ GÁM

Th.S Đặng Thị Kim Chi